

Chức năng xã hội hóa của gia đình Việt Nam từ Đổi mới (1986) đến nay

Lê Thị Hồng Hải

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Qua các tài liệu, các công trình nghiên cứu đã xuất bản, bài viết đi sâu phân tích những biến đổi và tiếp nối trong nội dung và cách thức giáo dục của gia đình Việt Nam từ sau Đổi mới tới nay; lý giải những nguyên nhân và chỉ ra những khó khăn mà gia đình Việt Nam đang gặp phải trong quá trình thực hiện chức năng xã hội hoá trẻ em của mình trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Từ khoá: Chức năng xã hội hoá; Gia đình Việt Nam; Đổi mới.

Đặt vấn đề

Xã hội hoá là quá trình qua đó mỗi cá thể con người học hỏi và thấm thấu các yếu tố văn hoá xã hội của môi trường xung quanh để thích nghi với môi trường xã hội. Gia đình được coi là đóng vai trò quan trọng trong quá trình xã hội hoá của mỗi cá nhân. Cùng với những thay đổi của xã hội, chức năng xã hội hóa của gia đình cũng có những biến đổi nhất định. Xã hội Việt Nam đã có nhiều thay đổi, nhất là từ sau Đổi mới, với việc mở cửa, thực hiện chính sách kinh tế thị trường, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Cùng với đó là những văn bản chính sách mới quy định vai trò, trách nhiệm của gia đình trong chăm sóc và giáo dục trẻ em,

cũng như các chính sách liên quan đến trẻ em, giáo dục và các chính sách xã hội khác. Tất cả những điều này đã có tác động không nhỏ tới việc thực hiện chức năng xã hội hoá của gia đình trên mọi phương diện. Qua các tài liệu, các công trình nghiên cứu đã xuất bản, bài viết đi sâu phân tích những biến đổi và tiếp nối trong nội dung và cách thức giáo dục của gia đình, cụ thể là của cha mẹ đối với con cái trong gia đình Việt Nam từ sau Đổi mới tới nay.

1. Nội dung giáo dục

Giáo dục gia đình bao hàm nhiều nội dung, trong đó có 4 nội dung quan trọng, đó là phẩm chất cá nhân, tri thức (văn hóa), hướng nghiệp và kỹ năng sống.

Về giáo dục phẩm chất đạo đức cá nhân

Thực hiện chức năng xã hội hoá của mình, gia đình giúp trẻ sớm nhận thức được những giá trị, chuẩn mực của cuộc sống, cái xấu, cái đẹp, cái được phép và cái không được phép, hay nói cách khác, biết được những giá trị đạo đức của đời sống xã hội nơi trẻ sẽ hoà nhập. Gia đình chính là nơi đầu tiên giúp trẻ nhận thức được những điều này và một trong những nội dung quan trọng nhất của gia đình chính là giáo dục đạo đức cho trẻ. Các giá trị đạo đức luôn được các gia đình chú trọng: lễ phép, kính trên nhường dưới, những giá trị nhân văn... Những năm đầu Đổi mới, các giá trị được nhấn mạnh thường là: yêu Tổ quốc, yêu đồng bào..., các giá trị liên quan tới vật chất thường không được đánh giá cao. Ngày nay, có vẻ như quan hệ với Tổ quốc, nhân dân được thể hiện qua sự thành đạt của mỗi người, khả năng tự lo cho mình và lo cho người khác. Đạo đức ngày nay không chỉ là sự ngoan ngoãn, vâng lời mà còn phải tự ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ và phải luôn phấn đấu vượt khó trong học tập, rèn luyện để có nghề nghiệp chuyên môn, biết làm giàu, biết sống tự lập, năng động và sáng tạo (Nghiêm Sĩ Liêm, 2001; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998). Có thể nói nội dung giáo dục phẩm chất đạo đức của gia đình Việt Nam hiện nay về cơ bản vẫn có sự tiếp nối các giá trị, chuẩn mực từ truyền thống. Các bậc cha mẹ luôn mong muốn và hướng đến những giá trị truyền thống về đạo đức và lối sống trong quá trình giáo dục con trẻ: kính trên nhường dưới, gọi dạ bảo vâng, thương yêu, kính trọng ông bà cha mẹ, thương yêu anh chị em... (Lê Thị, 2003; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998).

Về giáo dục tri thức

Các gia đình Việt Nam luôn coi trọng giá trị tri thức và có sự đầu tư

nhất định cho việc học hành của con cái. Tuy nhiên, các nghiên cứu đầu những năm 90 của thế kỷ trước cho thấy các gia đình còn chưa quan tâm đúng mức đến việc học hành của con cái. Cha mẹ thời kỳ đầu Đổi mới chưa có những khuyến khích thích đáng cho việc học của con, thường để con tự học, được đến đâu hay đến đó, thậm chí nhiều gia đình nông thôn muốn con ở nhà làm giúp việc nhà, tham gia sản xuất đồng ruộng, tạo thu nhập cho gia đình. Thực tế, nhiều trẻ em phải nghỉ học sớm (Trung tâm Nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ, 1994: 64).

Kết quả một nghiên cứu do Trung tâm Nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ thực hiện trong những năm 1990 cho thấy: về cơ sở vật chất, phần lớn (69%) gia đình công nhân và nông dân đều chưa có bàn ghế riêng cho con học tập, thiếu sách giáo khoa; cho con đi học muộn so với tuổi; không có sách báo, truyện là những tài liệu bổ trợ. Thời gian dành cho con học bài, làm bài là rất ít. Tỷ lệ cha mẹ kèm con học bài và làm bài chỉ chiếm 39% (Trung tâm Nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ, 1991). Việc học thêm của con hầu như không được quan tâm, thậm chí ngay cả việc đi học cũng không được khuyến khích, nhất là đối với các gia đình nông thôn hoặc gia đình có kinh tế khó khăn, trẻ bỏ học còn được một số cha mẹ đồng tình (Trung tâm Nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ, 1991). Thời kỳ này, trẻ em bỏ học sớm và trẻ em gái bỏ học nhiều hơn trẻ em trai. Lý do bỏ học vì học không để làm gì (khoảng 60%), phải đóng góp nhiều (55%), thiếu lao động (40%). Trong điều kiện hộ gia đình là đơn vị sản xuất thì việc tập trung sức lao động đầu tư cho ruộng khoán, phát triển ngành nghề, mở mang dịch vụ buôn bán để làm giàu ở nông thôn thời kỳ đầu đổi mới chưa cần phải có văn hoá cao. Thực tế này thể hiện trong câu nói: “văn hay chữ tốt không bằng thàng dốt lăm tiền” (Trung tâm Nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ, 1991: 59).

Tuy nhiên, trong khoảng chục năm gần đây, đặc biệt là những năm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã có sự thay đổi đáng kể về sự quan tâm của gia đình đối với vấn đề giáo dục tri thức cho con cái, có sự biến đổi tích cực trong nhận thức của cha mẹ về vai trò của học tập đối với con cái (Phạm Hương Trà, 2008). Ngày nay, các gia đình cả nông thôn và thành thị đều chú trọng đến việc giáo dục tri thức cho con. Họ dành thời gian, công sức và đặc biệt là tiền bạc để đầu tư cho việc học của con cái, không có sự phân biệt giữa con trai và con gái. Trong khi trước đây, do khó khăn, các bậc cha mẹ thường lựa chọn chỉ đầu tư cho con trai. Ở nông thôn và cả thành thị vẫn có hiện tượng cha mẹ không đủ kiến thức, trình độ để hướng dẫn con học, và bù đắp bằng việc mời gia sư hoặc cho con tham gia các lớp học thêm. Số liệu Điều tra Bình đẳng giới năm 2005 cho thấy có

tới 82,7% gia đình ở thành thị và 69,4% gia đình ở nông thôn cho con học thêm (Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, 2008: 189). Nhiều gia đình sẵn sàng vay mượn để đầu tư cho việc học, theo năng lực của con. Tại các gia đình đều có góc học tập của trẻ với bàn ghế, đồ dùng, sách vở, đèn, quạt... Hơn nữa, việc đưa đón con đi học hiện nay không chỉ diễn ra ở những khu vực thành thị mà ở các vùng nông thôn hoạt động này cũng dần trở nên phổ biến, nhất là đối với các cấp học mầm non, tiểu học.

Sự quan tâm đến giáo dục tri thức (văn hóa) cho con cái của các bậc cha mẹ ngày nay còn thể hiện ở việc dành nhiều thời gian nhắc nhở con học bài và đặc biệt là việc đi họp phụ huynh để nắm bắt tình hình học tập của con, kịp thời uốn nắn. Gần như 100% cha mẹ ở cả nông thôn và thành thị cho biết có tham gia họp phụ huynh cho con; và cũng gần 100% cha mẹ được hỏi cho rằng việc giúp và nhắc nhở con học ở nhà dường như đã trở thành một thói quen, một nếp sinh hoạt có tính truyền thống của gia đình (Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, 2008; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012).

Như vậy, có thể nói, các bậc cha mẹ ngày nay đều ý thức được tầm quan trọng của tri thức, kiến thức đối với cuộc sống của con cái họ và có sự đầu tư cả về thời gian, tiền bạc và công sức.

Về hướng nghiệp

Nếu như trước đây cha mẹ thường để con tự chọn nghề hoặc chưa quan tâm nhiều đến hoạt động hướng nghiệp cho con thì ngày nay, cha mẹ đã chú ý nhiều hơn đến vấn đề này. Trong những năm đầu Đổi mới, các bậc cha mẹ thường hướng con cái theo các công việc của cha mẹ hoặc trở thành “cán bộ nhà nước”. Với những người con có khả năng và mong muốn học cao, cha mẹ nông dân hoặc công nhân thường không có định hướng nghề nghiệp mà phó mặc cho con tự chọn. Nhiều trẻ em thời kỳ này tìm đến tham khảo ý kiến từ thầy cô giáo hoặc những người có hiểu biết xã hội rộng đang đảm nhiệm các công việc mà các em mong muốn, hay đơn giản là chọn nghề nghiệp theo thần tượng của mình (Đặng Thanh Nhân, 2011). Cha mẹ từ chỗ cho việc học là tùy khả năng của con cái nên thiếu sự quan tâm trong học tập và xa hơn là thiếu định hướng nghề nghiệp cho con. Có nhận định cho rằng định hướng của người nông dân là muốn con lớn lên tập trung lao động để làm giàu, không cần phải có văn hoá cao (Hong Than và Ngọc Anh, 1991: 192).

Ngày nay, cha mẹ đã có những quan tâm đáng kể đến việc định hướng nghề nghiệp cho con cái. Với những người có hiểu biết xã hội rộng thì có những định hướng cho con ngay từ khi con còn nhỏ và có sự tham khảo ý

kiến của con. Với những cha mẹ nông dân thì họ cũng đã chủ động tìm hiểu, tham khảo những người có hiểu biết rộng ở địa phương hoặc tìm hiểu qua những người đã “thoát ly”. Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy mong muốn của cha mẹ đối với con gái và trai hiện nay là “có nghề nghiệp ổn định”. Vẫn có sự tiếp nối trong phần lớn gia đình ở nông thôn và thành thị khi đều mong muốn con trở thành “cán bộ, viên chức nhà nước” (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức khác, 2008). Một nghiên cứu khác cho rằng phần lớn cha mẹ đều có sự quan tâm, định hướng nghề nghiệp cho con cái qua việc trao đổi với con về nghề nên chọn (86%), cho con đi học thêm nghề (13,1%) (Đặng Thanh Nhân, 2011:152). Có thể nói, “những năm gần đây, các bậc cha mẹ đã chia sẻ, thực sự tôn trọng và khuyến khích để giúp con cái mình tự tin hơn, độc lập hơn và có trách nhiệm với chính bản thân và gia đình thông qua việc định hướng và lựa chọn nghề, chọn trường” (Bùi Thanh Hà, 2009:66).

Về giáo dục kỹ năng sống

So với trước đây, các gia đình quan tâm nhiều hơn đến việc trang bị kỹ năng sống cho con cái. Điều này thể hiện ở việc cha mẹ tìm hiểu và cho con học các khoá học về kỹ năng sống hoặc cung cấp các kiến thức liên quan đến các kỹ năng sống. Chẳng hạn, nếu như trước đây, việc cung cấp kiến thức sức khoẻ sinh sản cho con thường không được quan tâm mà để phó mặc cho nhà trường hoặc cho trẻ tự tìm hiểu với quan niệm không “vẽ đường cho hươu chạy” thì ngày nay, giáo dục sức khoẻ sinh sản là một nội dung được các bậc làm cha làm mẹ đặc biệt quan tâm từ nội dung dạy cái gì đến phương pháp dạy như thế nào với quan niệm cho rằng “vẽ đường cho hươu chạy đúng đường còn hơn để mặc cho hươu chạy mà bị lạc đường”. Một nghiên cứu của Trịnh Văn Thắng (2004) cho thấy sự giao tiếp giữa bố mẹ và vị thành niên về tình dục là khá cởi mở. Tuy nhiên, họ có thể dễ dàng nói về các hậu quả của tình dục không bảo vệ nhưng lại cảm thấy rất khó khăn khi đề cập đến cách phòng tránh hậu quả này (ví dụ như cách sử dụng bao cao su, cách thương thuyết với bạn tình để có tình dục an toàn). Giao tiếp về vấn đề này thực sự tồn tại trong sự co kéo của hai thái cực: một mặt, bị hạn chế bởi cảm giác xấu hổ hay sự dè dặt của cả hai phía. Mặt khác, dường như có xu hướng ngày càng cởi mở hơn bởi sự bùng nổ thông tin liên quan đến tình dục hoặc những hình ảnh thực tế về các hậu quả của hoạt động tình dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, hay cộng đồng (Trịnh Văn Thắng, 2004: 21, 22).

2. Phương pháp giáo dục

Các phương pháp giáo dục con cái như bạo lực và/hoặc giảng giải; uy

quyền và/hoặc tình cảm; làm gương và/hoặc bêu gương; kiểm soát và/hoặc tự kiểm soát vẫn đang được sử dụng trong các gia đình. Tuy nhiên, mức độ sử dụng đối với từng phương pháp có sự khác biệt theo từng thời kỳ.

Nếu như trước đây cha mẹ chủ yếu dùng quyền uy để áp đặt con cái, trẻ em phải tuân theo khuôn phép sẵn có của gia đình, nếu làm trái sẽ bị trừng phạt, thì ngày nay đã dần được cha mẹ thay thế bằng cách định hướng và khích lệ. Phương pháp giáo dục không phải chủ yếu bằng đòn roi mà là thuyết phục, phân tích phải trái, đúng sai để trẻ tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi của mình. Có sự tương tác, lắng nghe, tôn trọng ý kiến của con (Lê Thi, 2011; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998; Nghiêm Sĩ Liêm, 2001). Thêm vào đó, ngày nay, các bậc cha mẹ cũng có cái nhìn bao dung hơn đối với những lỗi, sai phạm của con cái. Trong quá trình dạy bảo, họ đã có những chấp nhận nhất định đối với những phản ứng của con và biết lắng nghe ý kiến con. Thực tế, cách ứng xử khi con mắc lỗi của cha mẹ ngày nay chủ yếu là phân tích đúng sai, chỉ có tỷ lệ nhỏ là quát mắng, đánh đòn (Lê Thi, 2011; Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, Hà Thị Minh Khương, 2011).

Kết quả điều tra xã hội học tại Hà Nội năm 2012 cho thấy phương pháp “nhắc nhở, phân tích đúng sai” trong tình huống con cái mắc lỗi được các gia đình sử dụng nhiều nhất. Đây cũng là xu hướng chung trong xây dựng các mối quan hệ gia đình dân chủ, bình đẳng hơn. Tuy nhiên, trong những tình huống nhất định, khi con cái làm những điều không vừa ý cha mẹ, có 30,3% các gia đình quát mắng và 6,4% các gia đình đánh đòn con (Viện Gia đình và Giới, 2012). Thực tế cho thấy rất nhiều cha mẹ hiện nay đang lúng túng về phương pháp giáo dục và không ít người phạm phải các sai lầm. Một số gia đình quá nuông chiều con dẫn đến sự buông lỏng. Một số khác lại quá nghiêm khắc trở thành khắt khe. Có những gia đình bao biện, làm thay cho con, đẩy trẻ vào tình trạng thụ động, ỷ lại (Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998); vẫn còn một số bậc cha mẹ còn có những cách xử lý không phù hợp khi con mắc lỗi (Trần Thị Vân Anh và cộng sự, 2011). Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy hầu hết các bậc cha mẹ thừa nhận gặp khó khăn về phương pháp giáo dục con cái. Khó khăn không chỉ ở việc lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp mà ngay giữa cha mẹ không có sự thống nhất về cách thức dạy dỗ và chăm sóc trẻ. Các biện pháp xử lý khi con mắc lỗi chủ yếu là được cha mẹ nhắc nhở, phân tích đúng sai, tiếp đến là quát mắng, đánh đòn. Ở tất cả các biện pháp mà cha mẹ áp dụng, hầu như không có sự phân biệt giới tính của trẻ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức khác, 2008).

3. Lý giải cho những biến đổi

Tất cả những thay đổi trong chức năng giáo dục của gia đình từ Đổi mới đến nay có thể lý giải bởi nhiều yếu tố tác động.

Thứ nhất, sự tác động của tình hình kinh tế - xã hội, công nghệ thông tin. Kinh tế phát triển, đời sống của đại bộ phận gia đình được nâng lên là điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục gia đình. Các gia đình có cơ hội đầu tư cho con học tập, vui chơi giải trí, phát triển cả về trí tuệ và thể lực. Các phương tiện thông tin đại chúng phát triển mạnh mẽ tới từng gia đình đã góp phần không nhỏ vào việc xã hội hóa trẻ em, giúp trẻ em phát triển và trưởng thành sớm hơn và toàn diện hơn (Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998).

Thứ hai là do sự tác động bởi những thay đổi của thể chế, chính sách. Với việc ra đời nhiều bộ luật, tăng trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, tăng quyền của con cái đối với cha mẹ; hạn chế quyền xâm phạm thân thể, trẻ em có quyền được tôn trọng ý kiến. Chính sách pháp luật đã tạo những quyền cơ bản nhất định cho trẻ em. Nếu vi phạm sẽ là vi phạm pháp luật và có chế tài xử lý. Những điều này đã có tác động không nhỏ đến ý thức, thái độ và hành vi của các bậc cha mẹ trong quá trình giáo dục con cái.

Thứ ba là sự thay đổi về quy mô, cấu trúc gia đình với xu hướng gia đình hạt nhân hóa, mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con. Như vậy, cha mẹ đóng vai trò chính trong việc giáo dục trẻ. Trước đây, tỉ lệ gia đình 3 thế hệ, 4 thế hệ là khá cao, điều này có tác động không nhỏ tới việc thực hiện chức năng giáo dục của gia đình. Rõ nét nhất là chủ thể tham gia vào quá trình giáo dục trẻ sẽ gồm cả ông/bà, cha/mẹ thậm chí là cô/chú. Quy mô gia đình nhỏ khiến cha mẹ có thể tập trung, đầu tư nhiều hơn cho việc giáo dục con cái cả về thời gian, vật chất và tinh thần.

Thứ tư, trình độ hiểu biết của cha mẹ cũng như khả năng nhận thức của trẻ cũng ngày một cao. Điều này đã có tác động đáng kể đến việc thực hiện chức năng xã hội hoá của gia đình trong thời gian qua.

Bàn luận

Từ những năm đầu Đổi mới đến nay, bên cạnh những thay đổi vẫn có sự tiếp nối cả về nội dung và phương pháp trong quá trình thực hiện chức năng xã hội hóa trẻ em của các gia đình Việt Nam. Sự tiếp nối còn thể hiện rõ nét ở một số khó khăn mà gia đình Việt Nam gặp phải trong quá trình thực hiện chức năng cơ bản này.

Thứ nhất, trình độ văn hóa và kiến thức của một bộ phận cha mẹ không

đáp ứng được việc giúp con học tập và giáo dục toàn diện. Năng lực giáo dục của cha mẹ không theo kịp sự phát triển của con cái và không đáp ứng được những đòi hỏi, yêu cầu của xã hội (Lê Thị, 1993; Lê Ngọc Văn, 1996; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998; Lê Ngọc Văn, 2012). Theo kết quả Điều tra Gia đình miền Bắc do Trung tâm Nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ thực hiện năm 2000, trong số những khó khăn của gia đình trong giáo dục con thì yếu tố không đủ kiến thức chiếm tỉ lệ cao nhất (31,2%). Đây là một trong những vấn đề của gia đình hiện đại. Điều này gợi ý rằng ngày nay gia đình không thể thực hiện tốt chức năng giáo dục hay “đơn phương” thực hiện chức năng giáo dục mà thiếu sự hỗ trợ từ phía xã hội, giáo dục gia đình không thể thiếu nhưng cũng không thể tách rời các cơ quan giáo dục xã hội (Đỗ Thị Bình và cộng sự, 2002: 161).

Thứ hai, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cha mẹ chưa đầy đủ, nhiều người lo nuôi nhiều hơn dạy, đầu tư cho đào tạo nhiều hơn giáo dục. Nhiều bậc cha mẹ phó mặc việc giáo dục cho nhà trường cùng các đoàn thể xã hội, với ý nghĩ đơn giản chỉ cần cung cấp cho con cơm no, áo đẹp, có tiền đi giải trí (Lê Thị, 1993; Lê Ngọc Văn, 1993; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998; Ngô Thị Ngọc Anh và Hoàng Thị Tây Ninh, 2004; Ngô Thị Ngọc Anh và Bùi Bích Hà, 2007).

Thứ ba, một số cha mẹ mải lo kiếm sống, làm giàu, ít có thời gian quan tâm chăm sóc con cái và cũng không coi trọng dành thời gian giáo dục con cái, hướng dẫn, kiểm tra việc học tập, giao lưu bạn bè của chúng, uốn nắn hành vi ứng xử xã hội, không đáp ứng được những nhu cầu văn hóa tinh thần của trẻ (Lê Thị, 1993; Lê Ngọc Văn, 1993; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998; Trần Nhật Duật, 2003; Ngô Thị Ngọc Anh và Hoàng Thị Tây Ninh, 2004; Ngô Thị Ngọc Anh và Bùi Bích Hà, 2007).

Thứ tư, sự lúng túng, bất hòa trong gia đình, sự thiếu gương mẫu của cha mẹ trong cách làm ăn sinh sống, ứng xử xã hội, sự không thống nhất trong phương pháp giáo dục của các thành viên trong gia đình cũng là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến giáo dục trẻ em (Lê Thị, 1993; Lê Ngọc Văn, 1993; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998; Ngô Thị Ngọc Anh và Hoàng Thị Tây Ninh, 2004).

Thứ năm, ảnh hưởng của môi trường xã hội, của văn hóa phẩm xấu (Lê Ngọc Văn, 1993; Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự, 1998; Trần Nhật Duật, 2003). Việc đặt niềm tin thấp của các bậc cha mẹ vào nhà trường và đặc biệt là môi trường xã hội là một điều rất đáng được quan tâm. Nó thể hiện một sự lo lắng có thật về môi trường xung quanh (ngoài gia đình) mà họ không có khả năng kiểm soát khi con cái họ tiếp xúc. Có thể họ cho rằng môi

trường xã hội tiềm ẩn nguy cơ làm hư hỏng trẻ em, đặc biệt là với trẻ em trai. Điều lo lắng nhất của cha mẹ về con cái hiện nay không phải là sự hiếu thảo như gia đình truyền thống trước đây mà là lo con cái “sa vào các tệ nạn xã hội” (Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Văn, Nguyễn Linh Khiếu, 2002: 162).

Nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng các gia đình Việt Nam, thời kỳ đầu đổi mới cho tới nay - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế - đã và vẫn đang gặp lúng túng, hẫng hụt, thậm chí là khủng hoảng ở cả nội dung và phương pháp giáo dục trẻ và sở dĩ có điều này là do sự khủng hoảng giữa những giá trị cũ và giá trị mới (Lê Thị, 1993; Lê Ngọc Văn, 1996; Ngô Thị Ngọc Anh và Bùi Bích Hà, 2007; Đặng Văn Bài, 2010; Lê Ngọc Văn, 2012).■

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức khác. 2008. *Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006*.
- Bùi Thanh Hà. 2009. “Tác động của cha mẹ trong việc hướng nghiệp cho học sinh phổ thông hiện nay: Nghiên cứu tại một trường PTTH thuộc đồng bằng Bắc Bộ”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1/2009, tr.57-66.
- Đặng Thanh Nhân. 2011. “Định hướng nghề nghiệp cho con cái trong gia đình nông thôn”. Trong: *Gia đình nông thôn đồng bằng bắc bộ trong chuyển đổi*. Trịnh Duy Luân chủ biên. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Đặng Văn Bài. 2010. “Vấn đề giáo dục gia đình hiện nay”. Trong: *Quản lý nhà nước về gia đình: Lý luận và thực tiễn*. Lê Thị Quý chủ biên. Nxb. Dân Trí, tr. 74-81.
- Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Văn, Nguyễn Linh Khiếu. 2001. *Gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Đoàn Thị Bình Minh và cộng sự. 1998. *Vai trò của gia đình trong việc giáo dục - xã hội hóa trẻ em*.
- Hồng Than, Ngọc Anh. 1991. “Vấn đề giáo dục con trong gia đình”. Trong: *Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay*. Kỷ yếu hội nghị của Trung tâm Nghiên cứu khoa học về phụ nữ.
- Lê Ngọc Văn. 1993. “Việc nghiên cứu chức năng xã hội hóa của gia đình trong tình hình hiện nay”. *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, số 3/1993, tr. 10-13.
- Lê Ngọc Văn. 1996. *Gia đình Việt Nam với chức năng xã hội hóa*. Nxb. Giáo dục. Hà Nội.
- Lê Ngọc Văn. 2012. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.

- Lê Thi. 2003. “Vai trò của người cha và người mẹ trong việc nuôi dạy con cái”. *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, số 1/2003, tr. 20-23.
- Lê Thi. 2009. *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Lê Thi. 2011. “Mối quan hệ ứng xử giữa cha mẹ và con cái”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1/2011, tr. 15-21
- Mai Huy Bích. 1987. *Lối sống gia đình ngày nay*. Nxb. Phụ nữ, 1987, Hà Nội.
- Nghiêm Sĩ Liêm. 2001. “Suy nghĩ về nội dung và phương pháp giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 1/2001, tr. 30-32.
- Ngô Thị Ngọc Anh, Bùi Bích Hà. 2007. “Sự biến đổi chức năng giáo dục gia đình theo chiều phát triển xã hội”. *Tạp chí Gia đình và Trẻ em*, kỳ I tháng 5/2007, tr.34-40.
- Ngô Thị Ngọc Anh, Hoàng Thị Tây Ninh. 2004. “Phòng ngừa hành vi sai lệch ở vị thành niên nhìn từ góc độ giáo dục gia đình”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 3/2004, tr. 35-40.
- Phạm Hương Trà. 2008. “Biến đổi mức đầu tư cho giáo dục”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4/2008, tr. 24-37.
- Trần Nhật Duật. 2003. “Gia đình với việc giáo dục đạo đức cho trẻ em”. *Tạp chí Tâm lý học*, số 7/2003, tr. 24-26.
- Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, Hà Thị Minh Khương. 2011. “Quan hệ cha mẹ và con cái chưa trưởng thành”. Trong: *Các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam: Một số kết quả phân tích sâu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*.
- Trịnh Duy Luân. 2011. *Hiện đại hóa và gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*.
- Trịnh Văn Thắng. 2004. *Giao tiếp giữa bố mẹ và vị thành niên về tình dục: Nội dung, rào cản và động cơ giao tiếp*. Nxb. Y học.
- Trung tâm Nghiên cứu khoa học về gia đình và phụ nữ. 1994. *Gia đình và vấn đề giáo dục gia đình*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Trung tâm Nghiên cứu khoa học về phụ nữ. 1991. *Người phụ nữ và gia đình Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Viện Gia đình và Giới. 2012. *Thực trạng mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội*.